

Ngày soạn: 27/10/2023

**Tiết 10: KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

Thời gian thực hiện: 02 tiết

**I. MA TRẬN ĐỀ VÀ BẢN ĐẶC TẢ**

Năm học: 2023-2024

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		TL	TN	
	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
<b>1. Mở đầu.</b> (7 tiết)	1 (0,25)									1	0,25
<b>2. Các phép đo.</b> (8 tiết)		4 (1,0)		2 (0,5)	1 (1,0)				1	6	2,5
<b>3. Các thể của chất.</b> (4 tiết)	1 (1,0)	2 (0,5)							1	2	1,5
<b>4. Oxygen và không khí.</b> (2 tiết)			1 (1,0)						1		1,0
<b>5. Tế bào – Đơn vị cơ sở của sự sống.</b> (6 tiết)		1 (0,25)		1 (0,25)			1 (1,0)		1	2	1,5
<b>6. Từ tế bào đến cơ thể.</b> (6 tiết)		1 (0,25)	1 (1,0)	1 (0,25)	1 (1,0)				2	2	2,5
<b>7. Đa dạng thế giới sống.</b> (4 tiết)		3 (0,75)								3	0,75
<b>Số câu</b>	<b>2</b>	<b>11</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>2</b>		<b>1</b>		<b>6</b>	<b>16</b>	<b>10</b>
<b>Điểm số</b>	<b>1,0</b>	<b>3,0</b>	<b>2,0</b>	<b>1,0</b>	<b>2,0</b>		<b>1,0</b>		<b>6,0</b>	<b>4,0</b>	
<b>Tổng số điểm</b>	<b>4,0 điểm</b>		<b>3,0 điểm</b>		<b>2,0 điểm</b>		<b>1,0 điểm</b>		<b>10 điểm</b>		

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN KHTN - LỚP 6**  
**Năm học: 2023-2024**

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu(ý) TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL Số câu (ý)	TN (Số câu)	TL	TN
<b>1. Mở đầu. (7 tiết)</b>				<b>1</b>		
- Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên. - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ	<b>Nhận biết</b>	- Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. - Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. - Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. - Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiển vi,...). - Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.		<b>1</b>		<b>C9</b>

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu(ý) TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL Số câu (ý)	TN (Số câu)	TL	TN
đo - Sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.	<b>Thông hiểu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.</li> <li>- Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.</li> <li>- Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.</li> <li>- Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.</li> </ul>				
<b>2. Các phép đo. (8 tiết)</b>			<b>1</b>	<b>6</b>		
Đo chiều dài, khối lượng và thời gian	<b>Nhận biết</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian.</li> <li>- Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian.</li> <li>- Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian.</li> </ul>		<b>4</b>		<b>C1,2,3,4</b>
	<b>Thông hiểu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian trong một số trường hợp đơn giản.</li> <li>- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.</li> </ul>		<b>2</b>		<b>C5,6</b>
	<b>Vận dụng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của mỗi loại dụng cụ đo.</li> <li>- Dùng các dụng cụ đo như: thước, cân, đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.</li> <li>- Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài, khối lượng, thời gian bằng thước, cân đồng hồ, đồng hồ <i>(không yêu cầu tìm sai</i></li> </ul>	<b>1</b>		<b>C19</b>	

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu(ý) TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL Số câu (ý)	TN (Số câu)	TL	TN
		số).				
	<b>Vận dụng cao</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế được phương án đo đường kính của ống trụ (ống nước, vòi máy nước), đường kính các trục hay các viên bi,..</li> <li>- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa.</li> </ul>				
<b>3. Các thể của chất. (4 tiết)</b>			<b>1</b>	<b>2</b>		
Các thể của chất.	<b>Nhận biết</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh).</li> <li>- Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất.</li> <li>- Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn, thể lỏng, thể khí.</li> <li>– Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta, chất có trong các vật thể.</li> <li>– Nêu được khái niệm về sự nóng chảy, sự sôi, sự bay hơi, sự ngưng tụ, sự đông đặc.</li> </ul>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>C17</b>	<b>C7,8</b>
	<b>Thông hiểu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.</li> <li>- So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí.</li> <li>- Đưa ra các hiện tượng thực tế quá trình diễn ra sự chuyển thể</li> </ul>				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu(ý) TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL Số câu (ý)	TN (Số câu)	TL	TN
		của chất.				
	<b>Vận dụng</b>	- Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại. - Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí.				
<b>4. Oxygen và không khí. (2 tiết)</b>			<b>1</b>			
Oxygen và không khí	<b>Nhận biết</b>	Nêu được một số tính chất của oxygen; quan trọng của oxygen trong cuộc sống, sự cháy và quá trình đốt cháy nhiên liệu.				
	<b>Thông hiểu</b>	Giải thích được tầm quan trọng của khí oxygen đối với sự cháy, sự sống.	<b>1</b>		<b>C18</b>	
	<b>Vận dụng</b>	- Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.				
	<b>Vận dụng cao</b>	Vận dụng các biện pháp bảo vệ môi trường không khí vào thực tế cuộc sống của bản thân.				
<b>5. Tế bào – Đơn vị cơ sở của sự sống. (6 tiết)</b>			<b>1</b>	<b>2</b>		
- Khái niệm, hình dạng, kích thước, cấu tạo, chức năng, sự lớn lên và sinh sản	<b>Nhận biết</b>	- Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào. - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào. - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng		<b>1</b>		<b>C11</b>

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu(ý) TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL Số câu (ý)	TN (Số câu)	TL	TN
<p>của tế bào.</p> <p>- Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống.</p> <p>- Thực hành quan sát tế bào sinh vật bằng mắt thường, kính lúp và kính hiển vi.</p>		quang hợp ở cây xanh.				
	<b>Thông hiểu</b>	<p>- Trình bày được cấu tạo và chức năng của ba thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào hoặc vùng nhân).</p> <p>- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.</p> <p>- Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.</p> <p>- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào).</p>		<b>1</b>		<b>C10</b>
	<b>Vận dụng</b>	Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.				
	<b>Vận dụng cao</b>	Học sinh vận dụng kiến thức về sự lớn lên và sinh sản của tế bào để giải thích một số hiện tượng thực tiễn.	<b>1</b>		<b>C22</b>	
<b>6. Từ tế bào đến cơ thể. (6 tiết)</b>			<b>2</b>	<b>2</b>		
<p>- Cấu tạo và chức năng của cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào.</p> <p>- Mối quan hệ từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan</p>	<b>Nhận biết</b>	Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...).		<b>1</b>		<b>C12</b>
	<b>Thông hiểu</b>	Thông qua hình ảnh, nêu được mối quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>C20</b>	<b>C13</b>

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu(ý) TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL Số câu (ý)	TN (Số câu)	TL	TN
đến cơ thể.		quan đến cơ thể). Từ đó, nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy được các ví dụ minh họa.				
	<b>Vận dụng</b>	Vận dụng trong thực tế để giải thích các sinh vật có cấu tạo từ 1 tế bào (cơ thể đơn bào) ta có thể quan sát bằng mắt thường được không hay là quan sát dưới kính hiển vi quang học.	<b>1</b>		<b>C21</b>	
	<b>Vận dụng cao</b>	- Thực hành: + Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi, ...); + Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh; + Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người.				
<b>7. Đa dạng thế giới sống. (4 tiết)</b>				<b>3</b>		
	<b>Nhận biết</b>	- Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống. - Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học. - Nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới.		<b>3</b>		<b>C14,15, 16</b>
	<b>Thông hiểu</b>	- Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới. - Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu(ý) TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL Số câu (ý)	TN (Số câu)	TL	TN
	<b>Vận dụng</b>	Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân và thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật.				



**UBND HUYỆN NGHĨA HÀNH**  
**TRƯỜNG THCS HÀNH TÍN TÂY**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  
**Năm học: 2023-2024**  
**Môn: KHTN - Lớp 6**  
**Thời gian: 90 phút (không kể giao đề)**

**I- PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)**

Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất trong các câu sau:

- Câu 1.** Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta hiện nay là  
 A. kilômét (km). **B. mét (m).**  
 C. centimét (cm). D. milimét (mm).
- Câu 2.** Dụng cụ nào sau đây dùng để đo khối lượng của vật?  
 A. Thước kẻ. **B. Cân đồng hồ.**  
 C. Đồng hồ bấm giây. D. Nhiệt kế y tế.
- Câu 3.** Để đo thời gian của một vận động viên chạy 100m, người ta thường dùng loại đồng hồ nào dưới đây là thích hợp nhất?  
 A. Đồng hồ treo tường. B. Đồng hồ cát.  
**C. Đồng hồ bấm giây.** D. Đồng hồ đeo tay.
- Câu 4.** Cách đổi đơn vị nào sau đây là đúng?  
 A. 1 m = 0,1 cm. B. 1 km = 100 m.  
**C. 1 mm = 0,01 dm.** D. 1 dm = 10 m.
- Câu 5.** Khi đo thời gian đi bộ của bà em trên một quãng đường dài 50m, em sẽ đo khoảng thời gian  
 A. bà đi bộ 100m rồi chia đôi.  
 B. bà đi bộ được 25m rồi nhân đôi.  
 C. từ lúc bà đi được 1 bước tới khi bà về tới đích.  
**D. từ lúc bà xuất phát tới khi bà về đến đích.**
- Câu 6.** Trước khi đo chiều dài của vật ta thường ước lượng chiều dài của vật để  
 A. đặt mắt đúng cách. B. đọc kết quả đo chính xác.  
 C. đặt vật đo đúng cách. **D. lựa chọn thước đo phù hợp.**
- Câu 7.** Sự nóng chảy là quá trình chuyển từ thể  
 A. lỏng sang thể rắn của chất. B. lỏng sang thể hơi của chất.  
**C. rắn sang thể lỏng của chất.** D. hơi sang thể lỏng của chất.
- Câu 8.** Có các vật thể sau: quả chanh, máy tính, cây mít, cái chậu, lọ hoa, xe máy, cây tre. Số vật thể tự nhiên là  
 A. 5 B. 4 **C. 3** D. 2.
- Câu 9.** Khi quan sát tế bào thực vật ta nên chọn loại kính nào sau đây?  
 A. Kính lão. **B. Kính hiển vi quang học.**  
 C. Kính lúp cầm tay. D. Kính cận.
- Câu 10.** Tế bào nhân thực khác với tế bào nhân sơ ở điểm nào sau đây?  
 A. Có màng tế bào. **B. Có nhân hoàn chỉnh.**  
 C. Có chất tế bào. D. Có vùng nhân.
- Câu 11.** Một em bé sinh ra nặng 3 kg, khi trưởng thành có thể nặng 50 kg. Theo em, sự thay đổi này là do đâu?  
 A. Do sự lớn lên của tế bào.

- B. Do sự sinh sản của tế bào.  
**C. Do sự lớn lên và sinh sản của tế bào.**  
 D. Do tế bào phân chia.

**Câu 12.** Cơ thể nào dưới đây **không** phải là cơ thể đơn bào?

- A. Trùng giày. B. Vi khuẩn lam.  
**C. Con dơi.** D. Trùng roi.

**Câu 13.** Sơ đồ nào sau đây thể hiện mối quan hệ giữa các cấp tổ chức trong cơ thể đa bào từ thấp đến cao?

- A. Mô → Tế bào → Cơ quan → Hệ cơ quan → Cơ thể.  
 B. Tế bào → Mô → Cơ thể → Cơ quan → Hệ cơ quan.  
 C. Mô → Tế bào → Hệ cơ quan → Cơ quan → Cơ thể.  
**D. Tế bào → Mô → Cơ quan → Hệ cơ quan → Cơ thể.**

**Câu 14.** Tên khoa học của một loài được hiểu như thế nào?

- A. Cách gọi phổ biến của loài có trong danh mục tra cứu.  
 B. Cách gọi truyền thống của dân bản địa theo vùng miền, quốc gia.  
 C. Tên loài + tên giống + (Tên tác giả, năm công bố).  
**D. Tên giống + Tên loài + (Tên tác giả, năm công bố).**

**Câu 15.** Loài nào dưới đây **không** thuộc giới Thực vật?

- A. Lúa nước. B. Dương xỉ.  
**C. Tảo lục.** D. Rong đuôi chó.

**Câu 16.** Cấu tạo tế bào nhân thực, cơ thể đa bào, có khả năng quang hợp là đặc điểm của sinh vật thuộc giới nào sau đây?

- A. Khởi sinh. B. Nguyên sinh.  
**C. Thực vật.** C. Nấm.

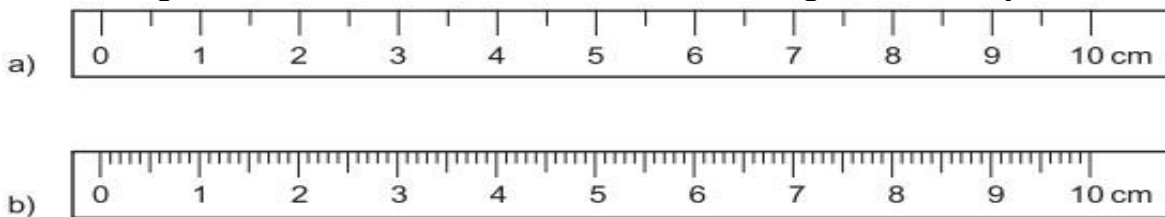
## II- PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)

**Câu 17.** (1,0 điểm) Thế nào là vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo ? Cho ví dụ.

**Câu 18.** (1,0 điểm) Tại sao trong các bể nuôi cá cảnh thường lắp một máy bơm nước nhỏ để bơm nước liên tục đồng thời trồng thêm cây thủy sinh?

**Câu 19.** (1,0 điểm)

Xác định giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước trong hình dưới đây:



Hình 1-2.2

**Câu 20.** (1,0 điểm) Điều gì sẽ xảy ra nếu như cây cà chua mất đi hệ rễ?

**Câu 21.** (1,0 điểm)

Trong thực tế, em có quan sát được trùng roi và vi khuẩn bằng mắt thường được không?

Tại sao?


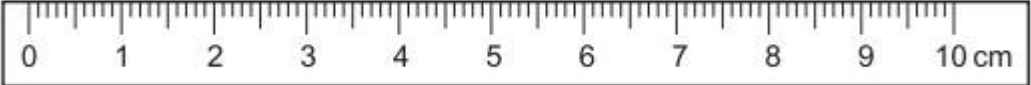
**Câu 22.** (1,0 điểm) Vì sao khi thân lùn bị đứt đuôi, đuôi của nó có thể được tái sinh?

-----Hết-----

**HƯỚNG DẪN CHẤM****I- PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)** Mỗi đáp án trả lời đúng được 0,25 điểm.

<b>Câu</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>13</b>	<b>14</b>	<b>15</b>	<b>16</b>
<b>Đáp án</b>	B	B	C	C	D	D	C	C	B	B	C	C	D	D	C	C

**II- PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

<b>Thang điểm</b>	<b>Hướng dẫn chấm</b>	<b>Điểm chấm</b>
<b>Câu 17.</b> Thế nào là vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo ? Cho ví dụ.		
<i>1,0 điểm</i>	- Vật thể tự nhiên là những vật thể có sẵn trong tự nhiên. Ví dụ: cây cỏ, đất, đá, ... - Vật thể nhân tạo là những vật thể do con người tạo ra. Ví dụ: cái bàn, cây bút, cái áo, ...	<i>0,5đ</i> <i>0,5đ</i>
<b>Câu 18.</b> Tại sao trong các bể nuôi cá cảnh thường lắp một máy bơm nước nhỏ để bơm nước liên tục đồng thời trồng thêm cây thủy sinh?		
<i>1,0 điểm</i>	- Khí oxygen ít tan trong nước → không đủ khí oxygen để cá hô hấp. - Lắp một máy bơm nước nhỏ để bơm nước liên tục đồng thời trồng thêm cây thủy sinh để tạo thêm lượng oxygen trong nước đủ cho cá hô hấp.	<i>0,5đ</i> <i>0,5đ</i>
<b>Câu 19.</b> Xác định giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước trong hình dưới đây:		
<p>a) </p> <p>b) </p>		
<i>Hình 1-2.2</i>		
<i>1,0 điểm</i>	a) GHĐ: 10 cm; ĐCNN: 0,5 cm. b) GHĐ: 10 cm; ĐCNN: 0,1 cm.	<i>0,5đ</i> <i>0,5đ</i>
<b>Câu 20.</b> Điều gì sẽ xảy ra nếu như cây cà chua mất đi hệ rễ?		
<i>1,0 điểm</i>	Rễ là hệ cơ quan thực hiện chức năng hút nước và muối khoáng cho cây, nếu hệ rễ bị mất đi thì hệ chồi cũng không hoạt động được và cây cà chua sẽ chết.	<i>1,0đ</i>
<b>Câu 21.</b> Trong thực tế, em có quan sát được trùng roi và vi khuẩn bằng mắt thường được không? Tại sao?		
<i>1,0 điểm</i>	*Trong thực tế, em không quan sát được trùng roi và vi khuẩn bằng mắt thường được. * Tại vì: Trùng roi và vi khuẩn cơ thể chỉ cấu tạo từ một tế bào, tế bào có kích thước rất nhỏ.	<i>0,25đ</i> <i>0,75đ</i>
<b>Câu 22.</b> Vì sao khi thân lùn bị đứt đuôi, đuôi của nó có thể được tái sinh?		

---

<i>1,0 điểm</i>	Thần lặn khi bị đứt đuôi vẫn có thể tái sinh đuôi mới vì tế bào ở gốc đuôi con thần lặn lớn lên và sinh sản, giúp tạo ra các tế bào mới thay thế tế bào đã mất đi ở phần đuôi bị đứt.	<i>1,0đ</i>
-----------------	---	-------------